

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 409/2023/HC-PT

Ngày: 07/6/2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Lê;
Ông Nguyễn Tất Nam.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Lê Thị Lý - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 670/2022/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5846/2023/QĐPT-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Bạc Cầm K, sinh năm 1962; cư trú tại: Bản L, xã G, huyện N, tỉnh Sơn La; có mặt.

1.2. Ông Bạc Cầm D, sinh năm 1962; có mặt.

1.3. Ông Lềm Văn K1, sinh năm 1965; có mặt.

1.4. Ông Lềm Văn T, sinh năm 1958; có mặt.

1.5. Ông Bạc Cầm S, sinh năm 1930; vắng mặt.

1.6. Ông Ngần Văn L, sinh năm 1972; có mặt.

1.7. Ông Lềm Văn C, sinh năm 1972; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Bản C2 A, xã S, huyện N, tỉnh Sơn La.

1.8. Ông Lò Văn Q, sinh năm 1965; vắng mặt, ông Quốc có ủy quyền cho anh Lò Văn C; anh C có mặt.

1.9. Ông Lò Văn N, sinh năm 1960; có mặt.

1.10. Ông Lò Văn D1, sinh năm 1976; có mặt.

1.11. Ông Lò Văn Q1, sinh năm 1947; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Bản M A, xã S, huyện N, tỉnh Sơn La.

1.12. Ông Tòng Văn D2, sinh năm 1965; cư trú tại: Bản I, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

1.13. Ông Tòng Văn X, sinh năm 1960; cư trú tại: Bản I, xã S, huyện N, tỉnh Sơn La; có mặt.

1.14. Ông Lò Văn S1, sinh năm 1946; cư trú tại: Xóm 8, xã G, huyện N, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

1.15. Ông Lường Văn P, sinh năm 1957; cư trú tại: Bản C, xã S, huyện N, tỉnh Sơn La; có mặt.

1.16. Ông Lèm Văn Q2, sinh năm 1947; cư trú tại: Bản C, xã B, huyện N, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

1.17. Ông Lường Văn B, sinh năm 1965; cư trú tại: Bản B, xã N, huyện C, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Sơn La.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Cầm Văn H, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Sơn La; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ban quản lý dự án di dân tái định cư huyện N, tỉnh Sơn La; Địa chỉ: Xóm 1, xã G, huyện N, tỉnh Sơn La;

Người đại diện: Ông Tòng Xuân T, Trưởng ban Ban quản lý dự án di dân tái định cư huyện N, tỉnh Sơn La; có mặt.

3.2. Ban quản lý rừng phòng hộ C; địa chỉ: Tiểu khu 4, xã L, huyện C, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

3.3. Cộng đồng bản P; ông Quàng Văn D - Trưởng bản P; có mặt.

3.4. Chi đoàn thanh niên bản P; anh Quàng Văn T; có mặt.

3.5. Chi hội phụ nữ bản P; bà Hoàng Thị B; có mặt.

3.6. Ông Lò Văn I, bà Quàng Thị S; cùng địa chỉ: Bản P, xã S, huyện N, tỉnh Sơn La; đều có mặt.

3.7. Cộng đồng bản H; ông Lò Văn A - Trưởng bản; có mặt.

3.8. Chi đoàn thanh niên bản H; vắng mặt.

3.9. Ông Quàng Văn K (đã chết). Người đại diện hợp pháp: Bà Lò Thị Ô; có mặt.

3.10. Ông Tòng Văn P (đã chết). Người đại diện hợp pháp: Ông Tòng Văn S; vắng mặt.

3.11. Ông Lò Văn Il; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Bản H, xã S, huyện N, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2015, ngày 19/8/2015 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của các ông Bạc Cầm K, Bạc Cầm D, Lèm Văn K1, Lèm Văn T, Bạc Cầm S, Ngần Văn L, Lèm Văn C, Lò Văn Q, Lò Văn N, Lò Văn D1, Lò Văn Q1, Tòng Văn D2, Tòng Văn X, Lò Văn S1, Lường Văn P, Lèm Văn Q2, Lường Văn B cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1999, hộ ông Bạc Cầm K, hộ ông Bạc Cầm D, hộ ông Lèm Văn K1, hộ ông Lèm Văn T, hộ ông Bạc Cầm S, hộ ông Ngần Văn L, hộ ông Lèm Văn C, hộ ông Lò Văn Q, hộ ông Lò Văn N, hộ ông Lò Văn D1, hộ ông Lò Văn Q1, hộ ông Tòng Văn D2, hộ ông Tòng Văn X, hộ ông Lò Văn S1, hộ ông Lường Văn P, hộ ông Lèm Văn Q2 và hộ ông Lường Văn B được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm đối với các thửa đất có diện tích từ 06 ha đến 30 ha thuộc Tờ bản đồ số 42 tại xã S, huyện C (nay thuộc huyện N), tỉnh Sơn La.

Năm 2006, thực hiện Dự án di dân tái định cư Thủy điện Sơn La, toàn bộ diện tích đất của các hộ dân trên bị thu hồi và Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành các quyết định thu hồi đất và các quyết định phê duyệt, bồi thường về đất đối các hộ dân nêu trên.

Năm 2014, một số hộ dân trú tại bản P, bản H, xã S, huyện N có đơn tố cáo việc giao đất và sử dụng đất của 17 hộ dân (người khởi kiện).

Ngày 18/3/2015, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Kết luận số 01/KL-UBND (Kết luận số 01/KL-UBND) kết luận nội dung tố cáo đối với ông Trần Văn B (*nguyên là cán bộ địa chính huyện C, tỉnh Sơn La*) đã cấu kết với ông Lường Văn P (*nguyên Chủ tịch xã M, huyện N*), ông Lò Văn S1 (*nguyên cán bộ quy hoạch huyện C*), ông Lèm Văn Q2 (*nguyên là Bí thư Đảng ủy xã S*), ông Tòng Văn X (*đang là Phó Bí thư Đảng ủy xã S*), ông Bạc Cầm Kịch (*cán bộ xã S*), bà Bạc Thị P (*nguyên Chủ tịch hội phụ nữ xã S*) và một số hộ dân là người thân của số cán bộ xã nêu trên cùng lập hồ sơ làm bìa đỏ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để được hưởng chế độ di dân tái định cư với nội dung: “*Nội dung tố cáo 21 hộ dân (trong đó có 17 Người khởi kiện) làm không Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để được hưởng chế độ tiền bồi thường về đất đai khi Nhà nước thu hồi đất là đúng hoàn toàn...*”.

Ngày 20/3/2015, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành các Quyết định:

1. Quyết định số 384/QĐ-UBND về việc xử lý vi phạm đối với người bị tố cáo (Quyết định số 384/QĐ-UBND) với nội dung: *Thu hồi số tiền sai phạm đã thanh toán, tạm ứng cho 19 hộ dân xã S nộp vào ngân sách Nhà nước với tổng cộng số tiền là 5.860.114.080 đồng do sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng*

đất không để hưởng chế độ bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ cho Dự án di dân tái định cư Thủy điện Sơn La...; giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S xem xét xử lý trách nhiệm đối với cá nhân ông Bạc Cầm K, Phó Chủ tịch Hội Nông dân xã S theo quy định hiện hành.

- Cụ thể số tiền sai phạm sau thanh tra (đã thanh toán) những người khởi kiện bị thu hồi như sau: ông K 400.000.000 đồng; ông N 750.000.000 đồng; ông Lò Văn Q1 400.000.000 đồng; ông Q 400.000.000 đồng, ông Lầm Văn Q2 848.114.080 đồng (trong đó bồi thường đợt I là 400.000.000 đồng và hỗ trợ theo Công văn 883 đợt II là 448.114.080 đồng); ông Pưới 400.000.000 đồng; ông X 750.000.000 đồng...ông S 400.000.000 đồng).

- Cụ thể số tiền đất đã tạm ứng sai phạm sau thanh tra, những người khởi kiện bị thu hồi như sau: ông C 30.000.000 đồng; ông K 50.000.000 đồng; ông D 30.000.000 đồng; ông T 50.000.000 đồng; ông S 50.000.000 đồng; ông L 30.000.000 đồng...

2. Quyết định số 385/QĐ-UBND về việc chấm dứt chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ về đất (gọi tắt và viết tắt là Quyết định số 385/QĐ-UBND) với nội dung: *Chấm dứt chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất chưa thanh toán cho 14 hộ dân (trong đó có một số người khởi kiện nêu trên) nộp ngân sách Nhà nước, với tổng số tiền là 8.495.933.800 đồng, do sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không để hưởng chế độ bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất để phục vụ cho Dự án.*

Cụ thể danh sách như sau: ông C 400.000.000 đồng; ông K 750.000.000 đồng; ông D 400.000.000 đồng; ông T 750.000.000 đồng; ông S 750.000.000 đồng; ông L 400.000.000 đồng; ông Nâng 200.000.0000 đồng; ông Sung 200.000.000 đồng; ông D2 575.000.000 đồng; ông P 476.617.000 đồng; ông B 400.000.000 đồng; ông X 960.000.000 đồng; ông D1 1.754.316.000 đồng (trong đó hỗ trợ về đất đợt I 797.416.800 đồng, hỗ trợ đợt II theo Công văn 883 là 956.900.000 đồng) và ông Sạch 480.000.000 đồng.

3. Quyết định số 386/QĐ-UBND về việc hủy bỏ các Quyết định (Quyết định số 386/QĐ-UBND): Hủy bỏ các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất do Ủy ban nhân dân huyện ban hành Đợt I và Đợt II có liên quan đến 17 hộ khởi kiện.

Không đồng ý với Kết luận số 01/KL-UBND và các Quyết định số 384/QĐ-UBND, Quyết định số 385/QĐ-UBND, Quyết định số 386/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện N, những người khởi kiện ủy quyền cho ông Bạc Cầm K đại diện khiếu nại.

Ngày 17/6/2015, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 963/QĐ-UBND (Quyết định số 963/QĐ-UBND) về việc giải quyết khiếu nại của ông Bạc Cầm K (lần đầu) với nội dung: *Giữ nguyên các nội dung trong Kết luận số 01/KL-UBND ngày 18/3/2015 và các Quyết định số 384, 385, 386 cùng ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N.*

Không đồng ý với Kết luận số 01/KL-UBND ngày 18/3/2015 và các Quyết định số 384/QĐ-UBND, Quyết định số 385/QĐ-UBND, Quyết định số 386/QĐ-UBND cùng ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N, ngày 17/7/2015 và ngày 01/9/2015, 17 người khởi kiện nêu trên (đều ủy quyền cho ông Bạc Cẩm K) có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Sơn La đều với nội dung khởi kiện như sau:

Năm 1999, Đảng Ủy, Ủy ban nhân dân xã S và Ban Quản lý hợp tác xã của Bản tổ chức hội nghị triển khai Chỉ thị số 10/1998/CT-TTg ngày 20/02/1998 của Thủ Tướng Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có nhu cầu trồng rừng tại bản P, H và một số vị trí khác thuộc xã S, 17 người khởi kiện đã đăng ký và làm đơn gửi tập thể Ủy ban nhân dân xã xem xét và sau đó được giao đất. Những người khởi kiện này khẳng định việc giao đất, cấp đất được thực hiện đúng quy định của pháp luật, có biên bản giao đất và trích lục hình thể thửa đất cho từng hộ. Từ khi được nhận đất năm 1999, 17 người khởi kiện và hộ gia đình mình đã tiến hành trồng cây, chăm sóc, bảo vệ rừng và không có tranh chấp với các hộ dân, tổ chức nào khác. Năm 1999, Đảng và Nhà nước chưa có chủ trương và chưa công bố công khai quyết định về việc xây dựng Thủy điện Sơn La. Người dân cũng không tự làm được bìa đồ không, quy trình cấp đất là do cơ quan Nhà nước thực hiện. Người dân chỉ biết làm đơn xin cấp đất, nhận đất đúng địa chỉ và nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Công văn số 394/CV-ĐN ngày 22/9/2006 của Công an huyện N, Thông báo Kết luận số 531/TBKL-UBND ngày 09/10/2006 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết đơn tố cáo của công dân và kết quả kiểm tra hồ sơ kê khai, thống kê bồi thường theo Phiếu giao việc số 14/PGV-UBND ngày 11/8/2009 của Ủy ban nhân dân huyện N đều xác định việc giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng của Ủy ban nhân dân huyện C là có thật, hợp pháp, địa điểm cấp đất tại P - H theo dọc Sông Đà. Ủy ban nhân dân huyện N căn cứ vào Tờ sơ đồ số 42 là sơ đồ giải thửa đất ruộng của Bản C để giải quyết khiếu nại, tố cáo, ra quyết định thu hồi và chấm dứt chi trả bồi thường, hỗ trợ đối với 17 người khởi kiện là không đúng với thực tế giao đất và sử dụng đất. Do đó, 17 người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 384/QĐ-UBND, Quyết định số 385/QĐ-UBND, Quyết định số 386/QĐ-UBND cùng ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N và Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

Ngày 30/9/2015, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2138/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc xử lý vi phạm đối với người bị tố cáo; Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc chấm dứt chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ về đất; Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện về việc hủy bỏ các quyết định.

Ngày 28/10/2015, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2416/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Kết luận số 01/KL-UBND ngày 18/3/2015 của

Ủy ban nhân dân huyện N. Lý do: *Thẩm quyền ban hành kết luận nội dung tố cáo sai quy định tại khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 24 Thông tư số 06/2013/TT-TTCTP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ về quy định quy trình giải quyết tố cáo.*

Ngày 28/10/2015, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2415/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 963/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N. Lý do: *Kết luận số 01/KL-UBND ngày 18/3/2015 và các Quyết định hành chính số 384, 385, 386 của Ủy ban nhân dân huyện N đã bị bãi bỏ.*

Quá trình Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La thụ lý, giải quyết vụ án, 16/17 người khởi kiện đều thống nhất có ý kiến, mặc dù Ủy ban huyện N đã ban hành các quyết định hủy bỏ các quyết định hành chính bị kiện nhưng do Ủy ban nhân dân huyện N không tiếp tục thanh toán, chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất còn lại theo phương án đã được phê duyệt nên 16/17 người khởi kiện không rút đơn khởi kiện và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện N khôi phục quyền lợi và tiếp tục thanh toán, chi trả tiền cho các hộ dân đối với số tiền chưa được chi trả theo các phương án đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

1. Ông Tòng Văn X, ông Lò Văn D1. Tổng Phương án được phê duyệt của mỗi hộ là 1.710.000.000 đồng.

2. Ông Lềm Văn T, ông Lềm Văn K1, ông Bạc Cầm S. Tổng Phương án được phê duyệt của mỗi hộ là 1.710.000.000 đồng, đã tạm ứng 50.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa được chi trả của mỗi hộ là 1.660.000.000 đồng.

3. Ông Lò Văn N. Tổng Phương án được phê duyệt là 1.710.000.000 đồng, đã được chi trả 750.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa được chi trả là 960.000.000 đồng.

4. Ông Bạc Cầm D, ông Ngân Văn L, ông Lềm Văn C. Tổng Phương án được phê duyệt của mỗi hộ là 880.000.000 đồng, đã tạm ứng 30.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa được chi trả của mỗi hộ là 850.000.000 đồng.

5. Ông Bạc Cầm K, ông Lò Văn Q, ông Lò Văn S1, ông Lường Văn P. Tổng Phương án được phê duyệt của mỗi hộ là 880.000.000 đồng, đã được chi trả 400.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa được chi trả của mỗi hộ là 480.000.000 đồng.

Ngày 09/7/2018, ông Lò Văn Q1 có Đơn xin rút Đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2015.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Sơn La trình bày:

Sau khi Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Sơn La thụ lý 17 vụ án hành chính của 17 người khởi kiện, Ủy ban nhân dân huyện N đã tiến hành rà soát, xem xét và nhận thấy việc ban hành Kết luận số 01/KL-UBND và các Quyết định số 384/QĐ-UBND, Quyết định số 385/QĐ-UBND, Quyết định số 386/QĐ-UBND và Quyết định số 963/QĐ-UBND có sự sai sót về thẩm quyền và một số nội dung

trong văn bản chưa chính xác nên đã ban hành quyết định bãi bỏ các văn bản hành chính nêu trên. Đối với yêu cầu khởi kiện của 17 người khởi kiện, Ủy ban nhân dân huyện N có ý kiến như sau:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 17 người khởi kiện không được xác lập theo đúng trình tự, thủ tục giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quy định tại Mục 1.2.3, 1.2.4 của Thông tư số 346/1998/TT-TTĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính và Công văn số 256/CV-SĐC ngày 08/7/1998 của Sở Địa chính tỉnh Sơn La về bổ sung nghiệp vụ triển khai Chỉ thị 10/CT-TTg của Thủ Tướng Chính phủ. Thông tin địa chính trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài liệu kèm theo hồ sơ bàn giao đất cho các hộ gia đình có sự sai lệch và có dấu hiệu giả mạo chữ ký của các thành phần tham gia nên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đều không hợp lệ. Nhận thấy sai sót, bất cập trong việc lập hồ sơ đề nghị giao đất, năm 2002 Ban Chấp hành Đảng bộ và Ủy ban nhân dân xã S đã chỉ đạo bằng Nghị quyết và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi, hủy bỏ những giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phù hợp. Năm 2003, Ủy ban nhân dân xã S đã lập hồ sơ giao rừng, đất lâm nghiệp trình Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Cộng đồng, đoàn thể, hộ gia đình và cá nhân thuộc bản P, H quản lý. Trên thực tế, diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 17 người khởi kiện từ trước đến nay vẫn được các hộ gia đình thuộc bản P, H quản lý, sử dụng. 17 người khởi kiện đều không xác định chính xác được vị trí, diện tích các thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu vực bản P, H, xã S.

Do đó, 17 người khởi kiện đều không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, không canh tác, sản xuất trên diện tích đất nêu trên nên không đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 43 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 7, Điều 8 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ Tướng Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Thủy điện Sơn La. Ủy ban nhân dân huyện N quyết định chấm dứt việc chi trả và thu hồi số tiền đã thanh toán cho 17 hộ gia đình (khởi kiện) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Ban quản lý Dự án di dân tái định cư huyện N; Cộng đồng bản P; Chi đoàn thanh niên P; Chi hội Phụ nữ P; ông Lò Văn I; Cộng đồng bản H; Chi đoàn thanh niên bản H; bà Lò Thị Ô; ông Tòng Văn S; ông Lò Văn II đều trình bày:

Năm 2003, để việc giao đất, giao rừng theo đúng tinh thần Chỉ thị số 10/1998/CT-TTg ngày 20/02/1998 của Thủ Tướng Chính phủ và tăng cường quản lý rừng trên địa bàn xã S, Ủy ban nhân dân xã S đã lập hồ sơ giao đất lâm nghiệp, giao rừng tại khu vực bản P và H (bao gồm cả diện tích đất đã lập hồ sơ giao đất không hợp pháp năm 1999) cho cộng đồng đoàn thể và hộ gia đình cá nhân thuộc bản P, H quản lý với trạng thái rừng được xác lập trong hồ sơ là trạng thái rừng IIa. Việc giao đất, giao rừng được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

Hồ sơ giao đất, giao rừng phù hợp với bản đồ giao đất lâm nghiệp và giao rừng năm 2003 của xã S về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng, được sự thống nhất của cộng đồng bản P, bản H, được chính quyền xã S nhất trí trình và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Tính đến tháng 01/2016, diện tích đất này vẫn được sử dụng đúng mục đích là rừng bảo vệ phòng hộ, hàng năm vẫn được Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Sơn La thanh toán chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định. Trên thực tế toàn bộ diện tích đất này vẫn do Cộng đồng, đoàn thể và các hộ gia đình, cá nhân của bản P, H quản lý, sử dụng từ trước năm 1999 đến nay. 17 người khởi kiện canh tác, sản xuất trên diện tích đất này không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp nên không có đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ về đất. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 10/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La quyết định:

“1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Lò Văn Q1 về việc: Yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc xử lý vi phạm đối với người bị tố cáo; Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc chấm dứt chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ về đất; Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc hủy bỏ các quyết định; Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Bạc Cầm K (lần đầu).

Ông Lò Văn Q1 không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án nếu việc khởi kiện này không có gì khác so với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bạc Cầm K, ông Bạc Cầm D, ông Lèm Văn K1, ông Lèm Văn T, ông Bạc Cầm S, ông Ngân Văn L, ông Lèm Văn C, ông Lò Văn Q, ông Lò Văn N, ông Lò Văn D1, ông Tòng Văn D2, ông Tòng Văn X, ông Lò Văn S1, ông Lường Văn P, ông Lèm Văn Q2 và ông Lường Văn B về việc: Yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc xử lý vi phạm đối với người bị tố cáo; Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc chấm dứt chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ về đất; Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc hủy bỏ các quyết định; Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Bạc Cầm K (lần đầu).

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bạc Cầm K, ông Bạc Cầm D, ông Lèm Văn K1, ông Lèm Văn T, ông Bạc Cầm S, ông Ngân Văn L, ông Lèm Văn C, ông Lò Văn Q, ông Lò Văn N, ông Lò Văn D1, ông Tòng Văn D2, ông Tòng Văn X, ông Lò Văn S1, ông Lường Văn P, ông Lèm Văn Q2 và ông Lường Văn B về việc:

Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện N tiếp tục thanh toán, chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất còn lại theo các phương án đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

- Hộ ông Tông Văn X, ông Lò Văn D1 mỗi hộ 1.710.000.000 đồng.*
- Hộ ông Lềm Văn T, ông Lềm Văn K1, ông Bạc Cầm S mỗi hộ 1.660.000.000 đồng.*
- Hộ ông Lò Văn N 960.000.000 đồng.*
- Hộ ông Bạc Cầm D, ông Ngân Văn L, ông Lềm Văn C mỗi hộ 850.000.000 đồng.*
- Hộ ông Bạc Cầm K, ông Lò Văn Q, ông Lò Văn S1, ông Lường Văn P mỗi hộ 480.000.000 đồng.*

4. Về án phí:

- Ông Lò Văn Q1 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và được hoàn lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 2846 ngày 05/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Sơn La.

- Ông Lềm Văn Q2, ông Tông Văn D2 và ông Lường Văn B mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm được khấu trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền lần lượt là số 2838 ngày 05/10/2015, 2850 ngày 06/10/2015 và số 2834 ngày 02/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Sơn La.

- Ông Tông Văn X và ông Lò Văn D1 mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 63.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền có số lần lượt là 2849, 2847 ngày 05/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Sơn La, còn phải nộp tiếp 63.300.000 đồng.

- Ông Lềm Văn T, ông Lềm Văn K1 và ông Bạc Cầm S mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 61.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền có số lần lượt là 2837, 2836 và 2843 ngày 05/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Sơn La, còn phải nộp tiếp 61.800.000 đồng.

- Ông Lò Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 40.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 2848 ngày 05/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Sơn La, còn phải nộp tiếp 40.800.000 đồng.

- Ông Bạc Cầm D, ông Ngân Văn L và ông Lềm Văn C mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 37.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền có số lần lượt là 2835, 2841, 2840 ngày 05/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Sơn La, còn phải nộp tiếp 37.500.000 đồng.

- Ông Bạc Cầm K, ông Lò Văn Q, ông Lò Văn S1 và ông Lường Văn P mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 23.200.000 đồng án

phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền có số lần lượt là 2833 ngày 14/9/2015, 2845, 2842, 2844 ngày 05/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Sơn La, còn phải nộp tiếp 23.200.000 đồng”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/7/2018, 16 người khởi kiện gồm ông Bạc Cầm K, ông Bạc Cầm D, ông Lềm Văn K1, ông Lềm Văn T, ông Bạc Cầm S, ông Ngân Văn L, ông Lềm Văn C, ông Lò Văn Q, ông Lò Văn N, ông Lò Văn D1, ông Tòng Văn D2, ông Tòng Văn X, ông Lò Văn S1, ông Lường Văn P, ông Lềm Văn Q2 và ông Lường Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm, UBND huyện N ban hành các quyết định, bao gồm:

Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND huyện N về việc thu hồi 23 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp tại Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 11/10/1999 của UBND huyện C cho 22 hộ gia đình thuộc các bản: Bản C2, Bản I, bản M, Bản C, bản O, Bản C1, xã S, huyện C;

Quyết định số 1108/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 của UBND huyện N về việc thu hồi, hủy bỏ 13 Quyết định thu hồi đất của 21 hộ gia đình, cá nhân thuộc các bản: Bản C2, Bản I, bản M, Bản C, bản O, Bản C1, xã S, huyện N di chuyển vùng ngập thủy điện Sơn La đến các điểm TĐC nội huyện và ngoài huyện;

Quyết định 1109/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm 60.000m² đất trồng cây lâu năm đã thu hồi tại Quyết định số 1552/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của UBND huyện N về việc thu hồi 104.032 m² đất của hộ ông Bạc Cầm K, bản C2 A, xã S, huyện N thuộc đối tượng di chuyển tự nguyện vùng ngập Công trình thủy điện Sơn La;

Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường tiền đất đầu đi đã phê duyệt tại Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của UBND huyện N đối với hộ ông Tòng Văn X, Bản I A, xã S, di chuyển đến điểm TĐC trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, thể dục, thể thao và quy hoạch chi tiết khu Tái định cư huyện lỵ N;

Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường tiền đất đầu đi đã phê duyệt tại Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 03/4/2013 của UBND huyện N đối với hộ ông Lềm Văn Q2, Bản C1, xã S, di chuyển đến điểm TĐC Huổi Lạ, xã S, huyện N;

Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường đã phê duyệt tại Quyết định số 3997/QĐ-UBND ngày 27/12/2010 của UBND huyện N đối với hộ ông Bạc Cầm K, bản C2 A, xã S di chuyển tự nguyện đến bản L, xã G, huyện N;

Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ đã phê duyệt tại Quyết định số

834/QĐ-UBND ngày 02/02/2010 của UBND huyện N đối với hộ ông Bạc Cẩm K, bản C2 A, xã S di chuyển tự nguyện đến L, xã G, huyện N;

Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường tiền bù chênh lệch đất đã phê duyệt tại Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 31/5/2013 của UBND huyện N đối với hộ ông Lềm Văn Q2, Bản C1, xã S, di chuyển đến điểm TĐC H, xã B, huyện N;

Quyết định số 1187/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường tiền bù chênh lệch đất đã phê duyệt tại Quyết định số 2235/QĐ-UBND ngày 01/7/2013 của UBND huyện N đối với hộ ông Lường Văn P, Bản C, xã S, di chuyển đến điểm TĐC Búa Bon 1, xã S, huyện N;

Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị hỗ trợ tiền đất theo Công văn số 883/TTg-KTN của Thủ Tướng Chính phủ đã phê duyệt tại Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của UBND huyện N đối với hộ ông Lềm Văn Q2, Bản C1, xã S, di chuyển đến điểm TĐC H, xã B, huyện N;

Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND huyện N về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 27/5/2014 của UBND huyện N về việc bổ sung phương án, giá trị hỗ trợ đất theo Công văn số 883/TTg-KTN ngày 26/6/2013 của Thủ Tướng Chính phủ đối với hộ Lường Văn P, Bản C, xã S, di chuyển đến điểm TĐC B 1, xã S, huyện N;

Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị hỗ trợ tiền đất theo Công văn số 883/TTg-KTN ngày 20/6/2013 của Thủ Tướng Chính phủ đã phê duyệt tại Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 16/7/2014 của UBND huyện N đối với hộ ông Lò Văn D1, bản M A, xã S, di chuyển đến điểm TĐC trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, thể dục, thể thao thị trấn N, huyện N;

Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị hỗ trợ tiền đất theo Công văn số 883/TTg-KTN của Thủ Tướng Chính phủ đã phê duyệt tại Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của UBND huyện N đối với 02 hộ xã S, di chuyển đến điểm TĐC trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, thể dục, thể thao thị trấn N, tỉnh Sơn La;

Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường tiền bù chênh lệch đất đã phê duyệt tại Quyết định số 2280/QĐ-UBND ngày 03/7/2013 của UBND huyện N đối với 02 hộ bản M A, xã S, di chuyển đến điểm TĐC H2 1, xã S, huyện N;

Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường tiền bù chênh lệch đất đã phê duyệt tại Quyết định số 4583/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND huyện N đối với hộ ông Lò Văn S1 bản M A, xã S, di chuyển đến điểm TĐC trung tâm hành chính,

chính trị, văn hóa, thể dục, thể thao thị trấn N, huyện N, tỉnh Sơn La;

Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường tiền bù chênh lệch đất đã phê duyệt tại Quyết định số 4654/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND huyện N đối với 08 hộ bản C2 A, xã S, di chuyển đến điểm TĐC Thắm Căng 1, xã S, huyện N;

Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường tiền bù chênh lệch đất đã phê duyệt tại Quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND huyện N đối với hộ ông Lò Văn Q1, bản M A, xã S, di chuyển đến điểm TĐC H2 1, xã S, huyện N;

Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường tiền đất đầu đi đã phê duyệt tại Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày 07/6/2013 của UBND huyện N đối với 02 hộ bản M A, xã S, di chuyển đến điểm TĐC Huổi Mảnh 1, xã S, huyện N;

Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường tiền đất đầu đi đã phê duyệt tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 29/6/2013 của UBND huyện N đối với hộ ông Lò Văn Q1, bản M A, xã S, di chuyển đến điểm TĐC H2 1, xã S, huyện N;

Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường tiền đất đầu đi đã phê duyệt tại Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của UBND huyện N đối với hộ ông Lương Văn P Bản C, xã S di chuyển đến điểm TĐC B 1, xã S, huyện N;

Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường tiền đất đầu đi đã phê duyệt tại Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 27/7/2011 của UBND huyện N đối với hộ ông Lò Văn S1 bản M A, xã S, di chuyển đến điểm TĐC trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, thể dục, thể thao huyện lỵ huyện N;

Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường tiền đất đầu đi đã phê duyệt tại Quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 12/9/2013 của UBND huyện N đối với hộ ông Lò Văn D1 bản M A, xã S di chuyển đến điểm TĐC trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, thể dục, thể thao huyện lỵ huyện N;

Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường chênh lệch tiền đất đã phê duyệt tại Quyết định số 3679/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 của UBND huyện N đối với hộ ông Lò Văn D1, bản M A, xã S, di chuyển đến điểm TĐC Khu trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, thể dục, thể thao thị trấn N, huyện N, tỉnh Sơn La;

Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường tiền bù chênh lệch đất đã phê duyệt tại Quyết định số 3742/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND huyện N đối với hộ ông Tòng Văn X, Bản I A, xã S, di chuyển đến điểm TĐC trung tâm hành chính,

chính trị, văn hóa, thể dục, thể thao thị trấn N, tỉnh Sơn La;

Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị hỗ trợ tiền đất theo Công văn số 883/TTg-KTN ngày 20/6/2013 của Thủ Tướng Chính phủ đã phê duyệt tại Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của UBND huyện N đối với hộ ông Tòng Văn X, Bản I A, xã S, di chuyển đến điểm TĐC trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, thể dục, thể thao huyện lỵ huyện N;

Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND huyện N về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 05/6/2014 của UBND huyện N về việc phê duyệt bổ sung phương án giá trị hỗ trợ tiền đất theo Công văn số 883/TTg ngày 20/6/2013 của Thủ Tướng Chính phủ cho hộ Lò Văn S1 bản M A, xã S di chuyển đến điểm TĐC Khu trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, thể dục, thể thao thị trấn N, huyện N;

Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm giá trị hỗ trợ tiền đất theo Công văn số 883/TTg-KTN ngày 20/6/2013 của Thủ Tướng Chính phủ đã phê duyệt tại Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của UBND huyện N đối với hộ ông Bạc Cầm K, bản C2 A, xã S, di chuyển tự nguyện Dự án di dân TĐC Thủy điện Sơn La;

Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND huyện N về việc thu hồi và hủy bỏ các Quyết định số 4136/QĐ-UBND ngày 19/12/2013; Quyết định số 3641/QĐ-UBND ngày 18/11/2013; Quyết định số 4339/QĐ-UBND ngày 25/12/2013; Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 19/6/2013; Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 19/6/2013 của UBND huyện N;

Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 về việc thu hồi số tiền 400.000.000 đồng của hộ ông Lò Văn S1, bản M A, xã S, di chuyển đến điểm TĐC trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, thể dục, thể thao thị trấn N, tỉnh Sơn La;

Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 về việc thu hồi số tiền 30.000.000 đồng của hộ ông Bạc Cầm D, bản C2 A, xã S, huyện N;

Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 về việc thu hồi số tiền 400.000.000 đồng của hộ ông Bạc Cầm K, bản L, xã G, huyện N;

Quyết định số 1350/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 về việc thu hồi số tiền 30.000.000 đồng của hộ ông Lềm Văn C (Cầm), bản C2 A, xã S, huyện N;

Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 về việc thu hồi số tiền 50.000.000 đồng của hộ ông Lềm Văn K1, bản C2 A, xã S, huyện N;

Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 về việc thu hồi số tiền 819.829.880 đồng của hộ ông Lềm Văn Q2, Bản C1, xã B, huyện N;

Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 về việc thu hồi số tiền 50.000.000 đồng của hộ ông Lềm Văn T, bản C2 A, xã S, huyện N;

Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 về việc thu hồi số tiền

750.000.000 đồng của hộ ông Lò Văn N, bản M A, xã Muông Sai, huyện N;

Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 về việc thu hồi số tiền 400.000.000 đồng của hộ ông Lò Văn Q1, bản M A, xã S, huyện N;

Quyết định số 1356/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 về việc thu hồi số tiền 400.000.000 đồng của hộ ông Lò Văn Q, bản M A, xã S, huyện N;

Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 về việc thu hồi số tiền 30.000.000 đồng của hộ ông Ngân Văn L (Ngân Văn Nổ), bản C2 A, xã S, huyện N;

Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 về việc thu hồi số tiền 750.000.000 đồng của hộ ông Tòng Văn X, Bản I A, xã S di chuyển đến điểm TĐC trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, thể dục, thể thao thị trấn N, tỉnh Sơn La;

Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 về việc thu hồi số tiền 50.000.000 đồng của hộ ông Bạc Cầm S, bản C2 A, xã S, huyện N.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 221/2019/HC-PT ngày 10/9/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định:

Bác kháng cáo của ông Bạc Cầm K, ông Bạc Cầm D, ông Lềm Văn K1, ông Lềm Văn T, ông Bạc Cầm S, ông Ngân Văn L, ông Lềm Văn C, ông Lò Văn Q, ông Lò Văn N, ông Lò Văn D1, ông Tòng Văn D2, ông Tòng Văn X, ông Lò Văn S1, ông Lường Văn P, ông Lềm Văn Q2, ông Lường Văn B. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 25/11/2019, 16 người khởi kiện gồm ông Bạc Cầm K, ông Bạc Cầm D, ông Lềm Văn K1, ông Lềm Văn T, ông Bạc Cầm S, ông Ngân Văn L, ông Lềm Văn C, ông Lò Văn Q, ông Lò Văn N, ông Lò Văn D1, ông Tòng Văn D2, ông Tòng Văn X, ông Lò Văn S1, ông Lường Văn P, ông Lềm Văn Q2 và ông Lường Văn B có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên và có Giấy ủy quyền cho ông Bạc Cầm K đại diện nộp đơn, làm đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/2022/KN-HC ngày 01/6/2022, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật; tạm đình chỉ thi hành Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên cho đến khi có Quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 28/2022/HC-GĐT ngày 30/8/2022

của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định: Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/2022/KN-HC ngày 01/6/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Hủy toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Bạc Cầm K và những người khởi kiện có kháng cáo đều thống nhất ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận các yêu cầu khởi kiện hủy các quyết định: Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc xử lý vi phạm đối với người bị tố cáo; Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc chấm dứt chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ về đất; Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc hủy bỏ các quyết định; Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Bạc Cầm K (lần đầu); yêu cầu tiếp tục thanh toán, chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất còn lại theo các phương án được phê duyệt của các hộ dân.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị không chấp nhận kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Ủy ban nhân dân huyện N ban hành các quyết định về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thu hồi, hủy bỏ các quyết định thu hồi đất; thu hồi các khoản tiền đã chi trả tạm ứng và các quyết định điều chỉnh giảm giá trị bồi thường đã phê duyệt tại các quyết định phê duyệt, bồi thường trước đó cho các hộ dân khởi kiện đã khắc phục được hậu quả pháp lý của việc ban hành Quyết định số 2138/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 về việc bãi bỏ Quyết định số 384/QĐ-UBND, Quyết định số 385/QĐ-UBND, Quyết định số 386/QĐ-UBND; Quyết định số 2416/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 về việc bãi bỏ Kết luận số 01/KL-UBND ngày 18/3/2015; Quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 về việc bãi bỏ Quyết định 963/QĐ-UBND. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện.

Về án phí: Các ông Bạc Cầm K, ông Bạc Cầm D, ông Lêm Văn K1, ông Lêm Văn T, ông Bạc Cầm S, ông Ngân Văn L, ông Lêm Văn C, ông Lò Văn Q, ông Lò Văn N, ông Lò Văn D1, ông Tòng Văn X, ông Lò Văn S1, ông Lương Văn P yêu cầu hủy các quyết định hành chính bị kiện và buộc UBND huyện N phải thanh toán chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất còn lại theo các phương án đã được phê duyệt trước đó. Đây không phải là yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính trái pháp luật gây ra nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là không có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Bạc Cầm K đại diện cho 16 người khởi kiện. Sửa phần án phí của bản án sơ thẩm theo hướng các ông Bạc Cầm K, ông Bạc Cầm D, ông Lềm Văn K1, ông Lềm Văn T, ông Bạc Cầm S, ông Ngần Văn L, ông Lềm Văn C, ông Lò Văn Q, ông Lò Văn N, ông Lò Văn D1, ông Tòng Văn X, ông Lò Văn S1, ông Lường Văn P không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch. Giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến tranh tụng của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 20/3/2015, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành các Quyết định số 384/QĐ-UBND, Quyết định số 385/QĐ-UBND và Quyết định số 386/QĐ-UBND. Ngày 17/6/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 963/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Bạc Cầm K (lần đầu). Do không đồng ý với các quyết định nêu trên; ngày 16/7/2015 và ngày 01/9/2015, 17 hộ gia đình đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Sơn La là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 2 Điều 104 Luật tổ tụng hành chính năm 2010.

[2] Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án, ngày 30/9/2015, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2138/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 384/QĐ-UBND; Quyết định số 385/QĐ-UBND; Quyết định số 386/QĐ-UBND. Ngày 28/10/2015, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2416/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Kết luận số 01/KL-UBND ngày 18/3/2015, với lý do thẩm quyền ban hành kết luận nội dung tố cáo sai quy định tại khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 24 Thông tư số 06/2012/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ về quy định quy trình giải quyết tố cáo. Ngày 28/10/2015, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2415/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 963/QĐ-UBND, lý do: Kết luận số 01/KL-UBND ngày 18/3/2015 và các Quyết định số 384/QĐ-UBND, Quyết định số 385/QĐ-UBND, Quyết định số 386/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện N đã bị bãi bỏ. Ngày 09/7/2018, ông Lò Văn Q1 có Đơn xin rút đơn khởi kiện (Đơn đề ngày 25/6/2015) nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Lò Văn Q1 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 165 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Nhưng, 16/17 người khởi kiện còn lại không đồng ý rút đơn khởi kiện mà vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 384/QĐ-UBND, Quyết định số 385/QĐ-UBND, Quyết định số 386/QĐ-UBND, Quyết định số 963/QĐ-UBND và yêu cầu được thanh toán chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất còn lại theo các phương án đã được phê duyệt (trước đó).

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 về việc thu hồi 23 Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất đã cấp tại Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 11/10/1999 của Ủy ban nhân dân huyện C cho 22 hộ gia đình (trong đó có 16/17 người khởi kiện) thuộc các bản: Bản C2, Bản I, bản M, Bản C, bản O, Bản C1, xã S, huyện C. Quyết định số 1108/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 về việc quyết định thu hồi, hủy bỏ 13 Quyết định thu hồi đất của 21 hộ gia đình, cá nhân (trong đó gồm có 16/17 người khởi kiện). Ngày 19, 22, 23/7/2019, Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành các quyết định về việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường đã phê duyệt đối với các hộ gia đình những người khởi kiện nêu trên. Đối với số tiền Ủy ban nhân dân huyện N đã chi trả, tạm ứng cho các hộ dân khởi kiện; ngày 20/8/2019, Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành các Quyết định từ số 1345/QĐ-UBND đến Quyết định số 1361/QĐ-UBND thu hồi số tiền đã tạm ứng cho các hộ dân nên phải xem xét đây là những quyết định có liên quan. Theo quy định tại Điều 193 và Điều 235 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét, đánh giá đối với các quyết định hành chính nêu trên.

[3]. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; việc quản lý, sử dụng đất của 16/17 người khởi kiện:

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 16/17 người khởi kiện được thực hiện không đúng quy định của Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính như Đơn xin đăng ký quyền sử dụng của các hộ dân không có ngày, tháng, năm làm đơn; không có ý kiến của Ủy ban nhân dân xã S và cơ quan địa chính có thẩm quyền mà chỉ có xác nhận của ông Lường Văn P Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S ký ngày 10/11/1999, sau ngày Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình (ngày 11/10/1999); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ dân không ghi ngày tháng, năm ký quyết định cấp giấy... Biên bản bàn giao đất không có ngày, tháng, năm thực hiện; không có xác nhận của Thủ Trưởng cơ quan địa chính có thẩm quyền mà chỉ có chữ ký của chủ hộ gia đình, thông tin ghi trên 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đầy đủ, không đúng theo quy định; người viết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã sử dụng Sơ đồ tổng thể giao đất - Tờ sơ đồ số 42 của bản Ka để điền số tờ bản đồ, số thửa vào Bảng liệt kê các thửa đất tại trang 2 của 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho 22 hộ gia đình không đúng quy định (trong đó gồm có 16/17 người khởi kiện); những người khởi kiện không chứng minh được việc quản lý, sử dụng đất, không xác định chính xác vị trí đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất trên thực địa...

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình tại Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 11/10/1999 là không đúng quy định của pháp luật đất đai. Hồ sơ bàn giao đất cho 15/17 hộ gia đình đều có sự giả mạo chữ ký cán bộ cơ quan chuyên môn của huyện, của xã và có sự sai lệch về thông tin địa chính của các thửa đất được cấp. Các hộ gia đình có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều không xác định được vị trí, ranh giới

đất được cấp và không quản lý, sử dụng đất trên thực tế nên thuộc trường hợp không được bồi thường khi thu hồi đất theo quy định tại Điều 43 Luật đất đai năm 2003. Mặt khác, toàn bộ diện tích đất nêu trên đều thuộc rừng phòng hộ do cộng đồng, đoàn thể, hộ gia đình và các cá nhân thuộc bản H, P quản lý sử dụng; năm 2003, đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận đất lâm nghiệp. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 43 Luật Đất đai năm 1993; điểm a khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 thì không thuộc trường hợp được bồi thường về đất rừng phòng hộ.

[4]. Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khởi kiện và các quyết định hành chính có liên quan: Theo như phân tích tại mục [3] thì trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định của pháp luật đất đai. Do đó, tại Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N đã thu hồi số tiền sai phạm đã thanh toán, tạm ứng cho 19 hộ dân (trong đó có 16/17 người khởi kiện) với tổng số tiền là 5.860.114.080 đồng do sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không để hưởng chế độ bồi thường, hỗ trợ về đất; tại Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc chấm dứt chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ về đất chưa thanh toán cho 14 hộ dân (trong đó gồm có 12/16 người khởi kiện nêu trên); Quyết định số 386/QĐ-UBND về việc hủy bỏ các quyết định phê duyệt phương án bồi thường bù chênh giá trị về đất (đợt 1), các quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ theo Công văn số 883/TTg-KTN ngày 20/6/2013 của Thủ Tướng Chính phủ về việc hỗ trợ hộ dân bị thu hồi đất (đợt 2) là có căn cứ. Không nhất trí với các Quyết định số 384/QĐ-UBND, Quyết định số 385/QĐ-UBND, Quyết định số 386/QĐ-UBND; các hộ dân tiếp tục khiếu nại, tại Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Bạc Cầm K đã giữ nguyên các quyết định bị khiếu nại là có cơ sở. Tại Quyết định số 2138/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N đã bãi bỏ Quyết định số 384/QĐ-UBND, Quyết định số 385/QĐ-UBND, Quyết định số 386/QĐ-UBND và tại Quyết định 2415/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N đã bãi bỏ Quyết định số 963/QĐ-UBND. Tuy nhiên, ngày 09/7/2019, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 1073/QĐ-UBND về việc thu hồi 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp tại Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 11/10/1999 của Ủy ban nhân dân huyện C cho 22 hộ gia đình (trong đó có 16/17 người khởi kiện) thuộc các bản: Bản C2, Bản I, bản M, Bản C, bản O, Bản C1, xã S, huyện C với lý do Ủy ban nhân dân huyện C cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân không đúng quy định của pháp luật đất đai là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và nội dung.

Ngày 11/7/2019, UBND huyện N ban hành Quyết định số 1108/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ 13 Quyết định thu hồi đất của 21 hộ gia đình, cá nhân (trong đó có 16/17 người khởi kiện) thuộc các bản: Bản C2, Bản I, bản M, Bản C, bản O, Bản C1, xã S, huyện N. Ngày 11, 19, 22, 23/7/2019, Ủy ban nhân dân huyện N

đã ban hành các quyết định về việc điều chỉnh giảm diện tích, giảm giá trị bồi thường đã phê duyệt tại các quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt, bồi thường trước đó cho các hộ (khởi kiện). Đối với số tiền Ủy ban nhân dân huyện N đã chi trả, tạm ứng cho các hộ dân khởi kiện; ngày 20/8/2019, Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành các Quyết định từ số 1345/QĐ-UBND đến Quyết định số 1361/QĐ-UBND thu hồi số tiền đã tạm ứng cho các hộ dân. Các quyết định nêu trên là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và nội dung theo quy định của pháp luật.

Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành các quyết định về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thu hồi hủy bỏ các quyết định thu hồi đất; thu hồi các khoản tiền đã chi trả tạm ứng và các quyết định điều chỉnh giảm diện tích; các quyết định điều chỉnh giảm giá trị bồi thường đã phê duyệt tại các quyết định phê duyệt, bồi thường trước đó cho các hộ dân khởi kiện đã khắc phục được hậu quả pháp lý của việc đã ban hành Quyết định số 2138/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 về việc bãi bỏ Quyết định số 384/QĐ-UBND, Quyết định số 385/QĐ-UBND, Quyết định số 386/QĐ-UBND; Quyết định số 2416/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 về việc bãi bỏ Kết luận số 01/KL-UBND ngày 18/3/2015; Quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 về việc bãi bỏ Quyết định số 963/QĐ-UBND. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy Quyết định số 384/QĐ-UBND, Quyết định số 385/QĐ-UBND, Quyết định số 386/QĐ-UBND và Quyết định số 963/QĐ-UBND; cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

[5] Đối với yêu cầu tiếp tục thanh toán, chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất còn lại theo các phương án được phê duyệt của các hộ dân:

- Ông Tòng Văn X, ông Lò Văn D1: Số tiền chưa được chi trả của mỗi hộ là 1.710.000.000đ.

- Ông Lềm Văn T, ông Lềm Văn K2, ông Bạc Cầm S: Số tiền còn lại chưa được chi trả của mỗi hộ là 1.660.000.000đ.

- Ông Lò Văn N: Số tiền còn lại chưa được chi trả là 960.000.000đ.

- Ông Bạc Cầm D, ông Ngàn Văn L, ông Lềm Văn C: Số tiền còn lại chưa được chi trả của mỗi hộ là 850.000.000đ.

- Ông Bạc Cầm K, ông Lò Văn Q1, ông Lò Văn S2, ông Lường Văn P: Số tiền còn lại chưa được chi trả của mỗi hộ là 480.000.000đ. Theo như phân tích tại mục [3] và mục [4] các hộ dân khởi kiện không được bồi thường, hỗ trợ về đất; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận các yêu cầu tiếp tục thanh toán, chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất còn lại theo các phương án được phê duyệt của các hộ dân là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo yêu cầu tiếp tục thanh toán, chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất còn lại theo các phương án được phê duyệt của các hộ dân.

[6] Về án phí: Các ông Tòng Văn X, Lò Văn D1, Lềm Văn T, Lềm Văn K1, Bạc Cầm S, Lò Văn N, Bạc Cầm D, Ngàn Văn L, Lềm Văn C, Bạc Cầm K,

Lò Văn Q, Lò Văn S1 và Lương Văn P yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính bị kiện và buộc Ủy ban nhân dân huyện N thanh toán chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất còn lại theo các phương án đã được phê duyệt trước đó. Đây không phải là yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính trái pháp luật gây ra, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc các ông này phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo, sửa về phần án phí.

Các đương sự không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Bạc Cầm K, ông Bạc Cầm D, ông Lềm Văn K1, ông Lềm Văn T, ông Bạc Cầm S, ông Ngân Văn L, ông Lềm Văn C, ông Lò Văn Q, ông Lò Văn N, ông Lò Văn D1, ông Tòng Văn D2, ông Tòng Văn X, ông Lò Văn S1, ông Lương Văn P, ông Lềm Văn Q2, ông Lương Văn B.

Sửa quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La về án phí.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 43 Luật đất đai năm 2003,

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bạc Cầm K, ông Bạc Cầm D, ông Lềm Văn K1, ông Lềm Văn T, ông Bạc Cầm S, ông Ngân Văn L, ông Lềm Văn C, ông Lò Văn Q, ông Lò Văn N, ông Lò Văn D1, ông Tòng Văn D2, ông Tòng Văn X, ông Lò Văn S1, ông Lương Văn P, ông Lềm Văn Q2, ông Lương Văn B về việc: Yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc xử lý vi phạm đối với người bị tố cáo; Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc chấm dứt chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ về đất; Quyết định 386/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc hủy bỏ các quyết định; Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Bạc Cầm K (lần đầu).

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bạc Cầm K, ông Bạc Cầm D, ông Lềm Văn K1, ông Lềm Văn T, ông Bạc Cầm S, ông Ngân Văn L, ông Lềm Văn C, ông Lò Văn Q, ông Lò Văn N, ông Lò Văn D1, ông Tòng Văn X, ông Lò Văn S1, ông Lương Văn P về việc: Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện N tiếp tục thanh toán, chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất còn lại theo các phương án đã được phê duyệt,

cụ thể như sau:

- Hộ ông Tòng Văn X, ông Lò Văn D1 mỗi hộ 1.710.000.000đ.
- Hộ ông Lềm Văn T, ông Lềm Văn K1, ông Bạc Cầm S mỗi hộ 1.660.000.000đ.
- Hộ ông Lò Văn Nhất 960.000.000đ.
- Hộ ông Bạc Cầm D, ông Ngân Văn L, ông Lềm Văn C mỗi hộ 850.000.000đ.
- Hộ ông Bạc Cầm K, ông Lò Văn Q, ông Lò Văn S1, ông Lương Văn P mỗi hộ 480.000.000đ.

2. Án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bạc Cầm K, ông Bạc Cầm D, ông Lềm Văn K1, ông Lềm Văn T, ông Bạc Cầm S, ông Ngân Văn L, ông Lềm Văn C, ông Lò Văn Q, ông Lò Văn N, ông Lò Văn D1, ông Tòng Văn X, ông Lò Văn S1, ông Lương Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định chung.

2.1. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Bạc Cầm K, ông Bạc Cầm S, ông Lềm Văn T, ông Lềm Văn C, ông Lềm Văn K1, ông Bạc Cầm D, ông Ngân Văn L, ông Lò Văn S1, ông Lò Văn D1, ông Lò Văn N, ông Lò Văn Q, ông Lềm Văn Q2, ông Tòng Văn D2, ông Lương Văn B, ông Tòng Văn X, ông Lương Văn P không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; hoàn trả số tiền đã nộp cho những người đã nộp theo tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0001312, AA/2016/0001313, AA/2016/0001314, AA/2016/0001315, AA/2016/0001316, AA/2016/0001317, AA/2016/0001318, AA/2016/0001319, AA/2016/0001320, AA/2016/0001321, AA/2016/0001322, AA/2016/0001323, AA/2016/0001324, AA/2016/0001325, AA/2016/0001326, AA/2016/0001327 cùng ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Lệ

Nguyễn Tất Nam

Lê Thị Thúy Bình